

Số: 229/QĐ-UBND

Phong Hiền, ngày 01 tháng 11 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp
Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05 tháng 3 năm 2014 của Thủ tướng chính phủ về việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 12/QĐ-UBND ngày 12/3/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc xây dựng, áp dụng, công bố, duy trì, cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp với Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 và hoạt động kiểm tra tại các cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế;

Căn cứ Quyết định số 1462/QĐ-UBND ngày 18/6/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành danh mục thủ tục hành chính được thực hiện tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả theo cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn;

Theo đề nghị của Đại diện Lãnh đạo chất lượng và thư ký hệ thống ISO 9001:2015 tại UBND xã.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố Hệ thống quản lý chất lượng tại Ủy ban nhân dân xã Phong Hiền phù hợp Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 theo quy định tại Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05 tháng 3 năm 2014 của Thủ tướng chính phủ đối với các lĩnh vực hoạt động trong Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 158/QĐ-UBND, ngày 15/11/2020 của UBND xã về việc công bố lại hệ thống quản lý chất lượng phù hợp với Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 tại UBND xã.

Điều 3. Văn phòng-Thống kê xã, Ban Chỉ đạo ISO, các bộ phận chuyên môn chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Sở Khoa học và Công nghệ;
- UBND Huyện;
- Ban Chỉ đạo ISO xã;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Trần Đức Thiện

PHỤ LỤC
CÁC LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG
CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ PHONG HIẾN ĐƯỢC CÔNG BỐ
PHÙ HỢP TIÊU CHUẨN QUỐC GIA TCVN ISO 9001:2015
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 229/QĐ-UBND ngày 01 tháng 11 năm 2021 của
Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã)

I. Lao động – Thương binh và xã hội

1. Lĩnh vực Người có công

1. Xác nhận vào đơn đề nghị di chuyển hài cốt liệt sĩ; đơn đề nghị thăm viếng mộ liệt sĩ
2. Ủy quyền hưởng trợ cấp, phụ cấp ưu đãi
3. Giải quyết chế độ trợ cấp thờ cúng liệt sĩ
4. Giải quyết chế độ ưu đãi đối với thân nhân liệt sĩ
5. Giải quyết chế độ ưu đãi đối với Bà mẹ Việt Nam anh hùng
6. Xác nhận thương binh, người hưởng chính sách như thương binh đối với người bị thương không thuộc lực lượng công an, quân đội trong chiến tranh từ ngày 31/12/1991 trở về trước không còn giấy tờ
7. Giải quyết chế độ người có công giúp đỡ cách mạng
8. Giải quyết trợ cấp tiền tuất hàng tháng khi người có công từ trần
9. Hưởng mai táng phí, trợ cấp một lần khi người có công với cách mạng từ trần
10. Giải quyết chế độ đối với Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến
11. Giải quyết chế độ người hoạt động cách mạng hoặc hoạt động kháng chiến bị địch bắt tù đày
12. Thực hiện chế độ trợ cấp một lần đối với thân nhân người hoạt động kháng chiến được tặng huân chương, huy chương chết trước ngày 01/01/1995 mà chưa được hưởng chế độ ưu đãi
13. Thực hiện chế độ trợ cấp một lần đối với thân nhân người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế, người có công giúp đỡ cách mạng đã chết
14. Trợ cấp một lần đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ kháng chiến
15. Trợ cấp hàng tháng đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ kháng chiến
16. Giải quyết hưởng chế độ ưu đãi đối với người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học
17. Giải quyết hưởng chế độ ưu đãi đối với con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học
18. Thực hiện chế độ ưu đãi trong giáo dục đào tạo đối với người có công với cách mạng và con của họ
19. Bổ sung tình hình thân nhân trong hồ sơ liệt sĩ
20. Hỗ trợ, di chuyển hài cốt liệt sĩ
21. Giải quyết trợ cấp một lần đối với người có thành tích tham gia kháng chiến đã được tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Bằng khen của Chủ tịch

Hội đồng Bộ trưởng hoặc Bằng khen của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

22. Giải quyết chế độ trợ cấp một lần đối với người được cử làm chuyên gia sang giúp Lào, Căm - pu - chia

23. Đề nghị tặng, truy tặng danh hiệu vinh dự nhà nước “Bà mẹ Việt Nam anh hùng”

2. Lĩnh vực Bảo vệ chăm sóc trẻ em

24. Áp dụng các biện pháp can thiệp khẩn cấp hoặc tạm thời cách ly trẻ em khỏi môi trường hoặc người gây tổn hại cho trẻ em

25. Chấm dứt việc chăm sóc thay thế cho trẻ em

26. Phê duyệt kế hoạch hỗ trợ, can thiệp đối với trẻ em bị xâm hại hoặc có nguy cơ bị bạo lực, bóc lột, bỏ rơi và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt

27. Đăng ký nhận chăm sóc thay thế cho trẻ em đối với cá nhân, người đại diện gia đình nhận chăm sóc thay thế không phải là người thân thích của trẻ em

28. Thông báo nhận chăm sóc thay thế cho trẻ em đối với cá nhân, người đại diện gia đình nhận chăm sóc thay thế là người thân thích của trẻ em

29. Chuyển trẻ em đang được chăm sóc thay thế tại cơ sở trợ giúp xã hội đến cá nhân, gia đình nhận chăm sóc thay thế

3. Lĩnh vực Bảo trợ xã hội

30. Xác định, xác định lại mức độ khuyết tật và cấp giấy xác nhận khuyết tật

31. Cấp đổi, cấp lại Giấy xác nhận khuyết tật

32. Trợ giúp xã hội đột xuất về hỗ trợ làm nhà ở, sửa chữa nhà ở

33. Trợ giúp xã hội đột xuất về hỗ trợ chi phí mai táng

34. Xác nhận hộ gia đình làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2016-2020 thuộc diện đối tượng được ngân sách nhà nước hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế

35. Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo phát sinh trong năm

36. Công nhận hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo trong năm

37. Thủ tục “Đăng ký hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội dưới 10 đối tượng có hoàn cảnh khó khăn”

38. Tiếp nhận đối tượng bảo trợ xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp tỉnh

39. Tiếp nhận đối tượng bảo trợ xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp tỉnh

40. Thực hiện, điều chỉnh, thôi hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng đối với các đối tượng bảo trợ xã hội (bao gồm cả người khuyết tật, người khuyết tật mang thai nuôi con dưới 36 tháng tuổi), hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng

41. Thực hiện trợ cấp xã hội hàng tháng khi đối tượng thay đổi nơi cư trú trong cùng địa bàn huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh

42. Hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi sóc, nuôi dưỡng đối tượng bảo trợ xã hội (bao gồm cả người khuyết tật đặc biệt nặng)

43. Hỗ trợ chi phí mai táng cho đối tượng bảo trợ xã hội (được trợ giúp xã hội thường xuyên tại cộng đồng)

44. Hỗ trợ kinh phí chăm sóc đối với hộ gia đình có người khuyết tật đặc biệt nặng

45. Hỗ trợ văn hóa, học nghề, trjw cấp khó khăn ban đầu cho nạn nhân

4. Lĩnh vực Phòng, chống tệ nạn xã hội

46. Quyết định quản lý cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình

47. Quyết định cai nghiện ma túy tự nguyện tại cộng đồng

48. Quyết định áp dụng biện pháp cai nghiện ma túy bắt buộc tại cộng đồng

II. Giáo dục và đào tạo

49. Giải thể nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập (theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập).

50. Sáp nhập, chia, tách nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập

51. Thành lập nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập

52. Cho phép nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập hoạt động giáo dục trở lại

53. Cho phép cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục tiểu học

III. Văn hóa và thể thao

54. Thủ tục thông báo tổ chức lễ hội

55. Thủ tục xét tặng danh hiệu gia đình văn hóa

56. Thủ tục xét tặng giấy khen Gia đình văn hóa

57. Đăng ký hoạt động thư viện, tư nhân có vốn sách ban đầu từ 500 bản đến dưới 1000 bản

58. Công nhận câu lạc bộ thể thao cơ sở

IV. Y tế

59. Xét hưởng chính sách hỗ trợ cho đối tượng sinh con đúng chính sách dân số

V. Nội vụ

1. Lĩnh vực Tôn giáo

60. Đăng ký hoạt động tín ngưỡng

61. Đăng ký bổ sung hoạt động tín ngưỡng

62. Đăng ký sinh hoạt tôn giáo tập trung

63. Thông báo danh mục hoạt động tôn giáo đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở một xã

64. Thông báo danh mục hoạt động tôn giáo bổ sung đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở một xã

65. Đăng ký thay đổi người đại diện của nhóm sinh hoạt tôn giáo tập trung

66. Đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung đến địa bàn xã khác

67. Đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung trong địa bàn một xã

68. Thông báo về việc thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung

69. Thủ tục thông báo tổ chức quyên góp trong địa bàn một xã của cơ sở tín ngưỡng, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc

2. Lĩnh vực Thi đua – Khen thưởng

70. Tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã về thực hiện nhiệm vụ chính trị

71. Tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã về thành tích thi đua theo đợt hoặc theo chuyên đề

72. Tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã về thành tích đột xuất

73. Xét tặng danh hiệu Lao động tiên tiến

VI. Nông nghiệp và phát triển nông thôn

1. Lĩnh vực Phát triển nông thôn

74. Xác nhận việc thực hiện hợp đồng liên kết và tiêu thụ nông sản

75. Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập trong quá trình thi công thuộc thẩm quyền của UBND xã

76. Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã

77. Hỗ trợ đầu tư xây dựng phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước (Đối với nguồn vốn hỗ trợ trực tiếp, ngân sách địa phương và nguồn vốn hợp pháp khác của địa phương phân bổ cho UBND cấp xã thực hiện)

78. Cấp Giấy chứng nhận kinh tế trang trại

79. Cấp đổi Giấy chứng nhận kinh tế trang trại

2. Lĩnh vực Khuyến nông

80. Phê duyệt Kế hoạch khuyến nông địa phương

VII. Tài nguyên và môi trường

81. Xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường

82. Tham vấn ý kiến báo cáo đánh giá tác động môi trường

83. Xác nhận đề án bảo vệ môi trường đơn giản

84. Tham vấn ý kiến đề án bảo vệ môi trường chi tiết

2. Lĩnh vực đất đai

85. Hòa giải tranh chấp đất đai

86. Cung cấp dữ liệu đất đai

87. Đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu

88. Xáo đăng ký cho thuê, cho thuê lại, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất

89. Đăng ký biến động về sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất do thay đổi thông tin về người được cấp Giấy chứng nhận (đổi tên hoặc giấy tờ pháp nhân, giấy tờ nhân thân, địa chỉ); giảm diện tích thửa đất do sạt lở tự nhiên; thay đổi về hạn chế quyền sử dụng đất; thay đổi về nghĩa vụ tài chính; thay đổi về tài sản gắn liền với đất so với nội dung đã đăng ký, cấp Giấy chứng nhận

90. Đăng ký xác lập quyền sử dụng hạn chế thửa đất liền kề sau khi được cấp Giấy chứng nhận lần đầu và đăng ký thay đổi, chấm dứt quyền sử dụng hạn chế thửa đất liền kề

91. Gia hạn sử dụng đất ngoài khu công nghệ cao, khu kinh tế

92. Xác nhận tiếp tục sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân khi hết hạn sử dụng đất đối với trường hợp có nhu cầu

93. Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

94. Chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân

95. Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu

96. Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người đã đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu

97. Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu đối với tài sản gắn liền với đất mà chủ sở hữu không đồng thời là người sử dụng đất

98. Đăng ký thay đổi tài sản gắn liền với đất vào Giấy chứng nhận đã cấp

99. Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, mua nhà ở, công trình xây dựng trong các dự án phát triển nhà ở

100. Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với trường hợp đã chuyển quyền sử dụng đất

trước ngày 01 tháng 7 năm 2014 mà bên chuyển quyền đã được cấp Giấy chứng nhận nhưng chưa thực hiện thủ tục chuyển quyền theo quy định

101. Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; chuyển quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất của vợ hoặc chồng thành của chung vợ và chồng; tăng thêm diện tích do nhận chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất đã có Giấy chứng nhận; xác định lại diện tích đất ở

102. Bán hoặc góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất thuê của Nhà nước theo hình thức thuê đất trả tiền hàng năm

103. Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai; xử lý nợ hợp đồng thế chấp, góp vốn; kê biên, đấu giá quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất để thi hành án; chia tách, hợp nhất, sáp nhập tổ chức; thỏa thuận hợp nhất hoặc phân chia quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất của hộ gia đình, của vợ và chồng, của nhóm người sử dụng đất; đăng ký biến động đối với trường hợp hộ gia đình, cá nhân đưa quyền sử dụng đất vào doanh nghiệp

104. Đăng ký biến động đối với trường hợp chuyển từ hình thức thuê đất trả tiền hàng năm sang thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê hoặc từ giao đất không thu tiền sử dụng đất sang hình thức thuê đất hoặc từ thuê đất sang giao đất có thu tiền sử dụng đất

105. Cấp lại Giấy chứng nhận hoặc caoos lại Trang bổ sung của Giấy chứng nhận do bị mất

106. Đăng ký chuyển mục đích sử dụng đất không phải xin phép cơ quan nhà nước có thẩm quyền

107. Chuyển nhượng vốn đầu tư là giá trị quyền sử dụng đất

VIII. Tư pháp

1. Lĩnh vực Phổ biến, giáo dục pháp luật

108. Công nhận tuyên truyền viên pháp luật

109. Miễn nhiệm tuyên truyền viên pháp luật

2. Lĩnh vực Hòa giải cơ sở

110. Công nhận hòa giải viên

111. Công nhận tổ trưởng tổ hòa giải

112. Thôi làm hòa giải viên

113. Thanh toán thù lao cho hòa giải viên

3. Lĩnh vực Bồi thường nhà nước

114. Thủ tục giải quyết yêu cầu bồi thường tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại

4. Lĩnh vực chứng thực

115. Cấp bản sao từ sổ gốc

116. Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc chứng nhận

117. Chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản

118. Chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản, quyền sử dụng đất và nhà ở

119. Chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch

120. Sửa lỗi sai sót trong hợp đồng, giao dịch

121. Cấp bản sao có chứng thực từ bản chính hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực
122. Chứng thực di chúc
123. Chứng thực văn bản từ chối nhận di sản
124. Chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở
125. Thủ tục chứng thực văn bản khai nhận di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở

5. Lĩnh vực hộ tịch

126. Đăng ký khai sinh
127. Đăng ký kết hôn
128. Đăng ký nhận cha, mẹ, con
129. Đăng ký khai sinh kết hợp nhận cha, mẹ, con
130. Đăng ký khai tử
131. Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới
132. Đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới
133. Đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới
134. Đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới
135. Đăng ký giám hộ
136. Đăng ký chấm dứt giám hộ
137. Thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch
138. Cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân
139. Đăng ký lại khai sinh
140. Đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân
141. Đăng ký lại kết hôn
142. Đăng ký lại khai tử
143. Cấp bản sao trích lục hộ tịch
144. Liên thông thủ tục hành chính về đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi
145. Liên thông các thủ tục hành chính về đăng ký khai sinh, cấp Thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi

6. Lĩnh vực nuôi con nuôi

146. Đăng ký việc nuôi con nuôi trong nước
147. Đăng ký lại việc nuôi con nuôi trong nước
148. Giải quyết việc người nước ngoài cư trú ở khu vực biên giới nước láng giềng nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi

X. Quản lý an toàn đập, hồ chứa thủy điện

149. Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập thủy điện trong quá trình thi công thuộc thẩm quyền của UBND xã
150. Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp hồ chứa thủy điện thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã

XI. Lĩnh vực dân tộc

151. Công nhận người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số
152. Đưa ra khỏi danh sách người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BẢN CÔNG BỐ
ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ PHONG HIỀN

**Công bố Hệ thống quản lý chất lượng tại Ủy ban nhân dân xã Phong Hiền,
huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế phù hợp Tiêu chuẩn quốc gia
TCVN ISO 9001:2015 đối với các lĩnh vực hoạt động của UBND xã**

*(Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số: 229/QĐ-UBND ngày 01 tháng 11
năm 2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Phong Hiền)*

Bản Công bố này có hiệu lực kể từ ngày ban hành.

Phong Hiền, ngày 01 tháng 11 năm 2021

CHỦ TỊCH

Trần Đức Thiện